

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Số: 3370 /QĐ-BNN-HTQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN	
CV	Số: 285
ĐẾN	Ngày: 27/1/2021

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 4253/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/2/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 về Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1432/QĐ-TTg ngày 26/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện” vay vốn ODA của vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB);

Căn cứ Quyết định số 1495/QĐ-LĐTBXH ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án ô “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện” vay vốn ODA của ADB;

Căn cứ Quyết định số 4253/QĐ-BNN-HTQT ngày 19/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần 5, 6, 7 và 8 Dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện” vay vốn ADB;

Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-TTg ngày 22/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện” vay vốn ODA của ADB;

Căn cứ các Quyết định: số 471/QĐ-LĐTBXH ngày 27/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án; số 620/QĐ-LĐTBXH ngày 04/6/2020 của Bộ trưởng Bộ

Lao động Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện Hợp phần 1 và Hợp phần 3 của dự án "Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện";

Xét đề nghị của các chủ dự án thành phần tại các Tờ trình số: 384/TTr-CDPT ngày 27/7/2020 của Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ; 223/TTr-CĐCĐ-TCKT ngày 01/7/2020 của Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội; 1202/TTr-CDXD-BTHDA ngày 22/7/2020 của Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh; 218/CĐKTKTTS-ĐT ngày 15/7/2020 của Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch tổng thể dự án thành phần 5,6,7 và 8 thuộc dự án "Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện" vay vốn ODA của ADB;

Xét báo cáo thẩm định số 229/BCTĐ-ĐP ngày 6/8/2020 của Vụ Hợp tác quốc tế về việc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần 5,6,7 và 8 thuộc dự án "Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện";

Theo đề nghị của Vụ trưởng các Vụ: Hợp tác quốc tế, Kế hoạch và Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 4253/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thành phần 5, 6, 7, 8 Dự án "Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện" (Dự án), vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), gồm các nội dung sau:

1. Điều chỉnh Khoản 6, Điều 1 như sau:

"6. Thời gian thực hiện:

Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2020 đến hết 2024."

2. Điều chỉnh, bổ sung đoạn 1, điểm b, Khoản 5, Điều 1 như sau:

"Dự án thành phần 6 tập trung đầu tư cho 3 nghề trọng điểm: Điện công nghiệp, Điện từ công nghiệp, Công nghệ ô tô, theo hướng đồng bộ, hiện đại, đạt chuẩn khu vực và quốc tế đồng thời có thể ứng dụng vào các mô hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Các hạng mục đầu tư chính như sau:"

3. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 8, Điều 1 như sau:

"a) Tổng mức đầu tư Dự án thành phần 5, Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội: 137.955 triệu đồng (tương đương 6.078.122 USD), gồm:

- Vốn vay ADB: 118.024 triệu đồng (tương đương 5.200.000 USD).

- Vốn đối ứng (nguồn đầu tư): 19.931 triệu đồng (tương đương 878.122 USD).

b) Tổng mức đầu tư Dự án thành phần 6, Trường Cao đẳng cơ điện Phú Thọ: 85.872 triệu đồng (tương đương 3.783.394 USD) gồm:

- Vốn vay ADB: 72.630 triệu đồng (tương đương 3.200.000 USD).
- Vốn đối ứng (nguồn đầu tư): 13.241 triệu đồng (tương đương 583.394 USD).

c) Tổng mức đầu tư Dự án thành phần 7: Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh: 93.598 triệu đồng (tương đương 4.123.860 USD) Gồm:

- Vốn vay ADB: 79.439 triệu đồng (tương đương: 3.500.000 USD).
- Vốn đối ứng (nguồn đầu tư): 14.159 triệu đồng (tương đương 623.860 USD).

d) Tổng mức đầu tư Dự án thành phần 8: Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản: 125.014 triệu đồng (tương đương: 5.507.938 USD) gồm:

- Vốn vay ADB: 102.137 triệu đồng (tương đương: 4.500.000 USD).
- Vốn đối ứng (nguồn đầu tư): 22.877 triệu đồng (tương đương 1.007.938 USD)."

(Chi tiết Phụ lục 1 đính kèm Quyết định này).

4. Điều chỉnh, bổ sung nội dung khoản 10, Điều 1 như sau:

"10. Tổ chức thực hiện:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện vai trò là Chủ quản các dự án thành phần. Vụ Hợp tác quốc tế là cơ quan đầu mối quản lý dự án; Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì thẩm định đặc tính, thông số kỹ thuật trang thiết bị sẽ đầu tư; Cục Quản lý xây dựng công trình chịu trách nhiệm quản lý theo dõi việc thực hiện hoạt động xây lắp, mua sắm thiết bị, đấu thầu, tham mưu trình Bộ phê duyệt dự toán chi tiết tổng mức đầu tư; Vụ Kế hoạch tham mưu phân bổ nguồn vốn đầu tư đối ứng cho dự án theo tiến độ; Các Vụ, Cục liên quan theo chức năng nhiệm vụ thực hiện tham mưu giúp Bộ trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Chủ quản các dự án thành phần.

- Các trường thực hiện vai trò là Chủ dự án thành phần 5, 6, 7 và 8 có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án thành phần đúng theo các quy định hiện hành; xây dựng và trình Bộ phê duyệt dự toán chi tiết tổng mức đầu tư và danh mục, thông số kỹ thuật, các trang thiết bị được mua sắm từ nguồn vốn ODA thuộc dự án thành phần.

- Các Chủ dự án thành phần phối hợp với Ban Quản lý dự án ô, tham gia Tổ chuyên gia đánh giá hồ sơ dự thầu, thương thảo hợp đồng với nhà thầu trúng thầu các gói thầu mua sắm thiết bị được đấu thầu tập trung từ nguồn vốn ODA; trực tiếp ký và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu trúng thầu đối với các thiết bị thuộc dự án thành phần do Ban Quản lý dự án ô đấu thầu tập trung."

Báo cáo Nghiên cứu khả thi các Dự án thành phần 5, 6, 7 và 8 đính kèm.

Điều 2: Bãi bỏ Phụ lục I tại Quyết định số 4253/QĐ-BNN-HTQT và được thay thế bằng Phụ lục I tại Quyết định này. Giữ nguyên các nội dung khác đã được phê duyệt tại Quyết định số 4253/QĐ-BNN-HTQT.

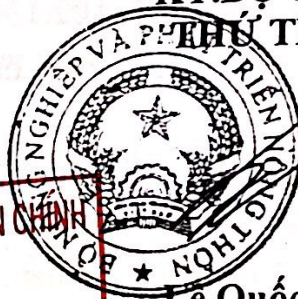
Điều 3. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án thành phần 5, 6, 7 và 8, chi tiết theo Phụ lục II đính kèm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Hợp tác quốc tế, Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ, Khoa học Công nghệ và Môi trường; Cục trưởng Cục quản lý xây dựng công trình; Hiệu trưởng các Trường: Cao đẳng Cơ điện Hà Nội, Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ, Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh và Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản; và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, LĐ-TB-XH;
- Lưu: VT, HTQT (LMT-17).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Lê Quốc Doanh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

01-02-2021

SỐ CHỨNG THỰC 452 QUYỀN SỞ 01 SCTIBS.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TIẾN**



Phụ lục I:

CHI TIẾT PHÂN BỐ CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ CỦA CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN
(Kèm theo Quyết định số 2370/QĐ-BNN-HTQT ngày 26.../8/2020 của Bộ NN&PTNT)

1. Dự án thành phần 5: Trung tâm đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Hà Nội

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư		Vốn vay		Vốn đối ứng	
		USD	Triệu VNĐ	USD	Triệu VNĐ	USD	Triệu VNĐ
1	Xây lắp	0					
2	Thiết bị	5.200.000	118.024	5.200.000	118.024		
3	Thiết bị phụ trợ						
4	Thuế, phí nhập thiết bị; chi phí quản lý dự án; kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán	871.622	19.783			871.622	19.783
5	Chi khác	6.500	148			6.500	148
	Tổng:	6.078.122	137.955	5.200.000	118.024	878.122	19.931

(Trong đó: Mục (4) sử dụng vốn đối ứng do Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp)

2. Dự án thành phần 6: Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ

T	Hạng mục	Tổng mức đầu tư		Vốn vay		Vốn đối ứng	
		USD	Triệu VNĐ	USD	Triệu VNĐ	USD	Triệu VNĐ
1	Xây lắp	0					
2	Thiết bị	3.200.000	72.630	3.200.000	72.630		
3	Thiết bị phụ trợ	25.738	584			25.738	584
4	Thuế, phí nhập thiết bị; chi phí quản lý dự án; kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán	553.056	12.553			553.056	12.553
5	Chi khác	4.600	104			4600	104
	Tổng chi phí	3.783.394	85.872	3.200.000	72.630	583.394	13.241

(Trong đó: Mục (4) sử dụng vốn đối ứng do Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp)

3. Dự án thành phần 7: Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư		Vốn vay		Vốn đối ứng	
		USD	Triệu VND	USD	Triệu VND	USD	Triệu VND
1	Xây lắp	0					
2	Thiết bị	3.500.000	79.439	3.500.000	79.439		
3	Thiết bị phụ trợ	10.661	242			10.661	242
4	Thuế, phí nhập thiết bị; chi phí quản lý dự án; kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán	605.999	13.754			605.999	13.754
5	Chi khác	7.200	163			7.200	163
	Tổng:	4.123.860	93.598	3.500.000	79.439	623.860	14.159

(Trong đó: Mục (4) sử dụng vốn đối ứng do Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp)

4. Dự án thành phần 8: Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư		Vốn vay		Vốn đối ứng	
		USD	Triệu VND	USD	Triệu VND	USD	Triệu VND
1	Xây lắp	42.736	970			42.736	970
2	Thiết bị	4.500.000	102.137	4.500.000	102.137		
3	Thiết bị phụ trợ	0					
4	Thuế, phí nhập thiết bị; chi phí quản lý dự án; phí kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán	958.352	21.752			958.352	21.752
5	Chi khác	6.850	155			6.850	155
	Tổng cộng	5.507.938	125.014	4.500.000	102.137	1.007.938	22.877

(Trong đó: Mục (1) và Mục (4) sử dụng vốn đối ứng do Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp)